

CÔNG TY CP CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

Cộng Hòa xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Số: ...30...CV/CT

Độc Lập- Tự Do- Hạnh phúc

"V/v: Báo cáo tài liệu công bố thông tin trên thị trường chứng khoán"

Tây Ninh, ngày 24 tháng 02 năm 2017

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
Số: 6168	Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. - Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh. - Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam-CN TP.HCM.
Ngày: 28/02/17	
Chuyển: NY	
Lưu hồ sơ số:	

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP TREO NÚI BÀ TÂY NINH

2. Mã Chứng khoán : TCT

3. Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố Ninh Phú, Phường Ninh Sơn, Thành Phố Tây ninh, tỉnh Tây Ninh.

4. Điện thoại: 066.3823448- 066.3624139 Fax: 066.3823448

5. Người thực hiện công bố thông tin: Trần thị Song Giang

6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ Phần Cấp Treo Núi bà Tây Ninh được lập ngày 22 /02 /2017 bao gồm:

-Bảng cân đối kế toán năm 2016.

-Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016.

-Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016.

-Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2016.

6.2 Báo cáo giải trình lợi nhuận năm 2016 tăng so với năm 2015.

7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.catour.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./.

Nơi nhận

-Như trên

-lưu.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Trần Trung Kiên

Công Ty CP Cáp Treo Núi Bà TN

Số: 31/CV.CT

(V/v: Báo cáo giải trình lợi nhuận

năm 2016 tăng so với năm 2015)

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tây Ninh, ngày 24 Tháng 02 Năm 2017

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Số: 6168
Ngày: 28/02/2017
Chuyển: NY
Số hồ sơ số:

TỜ GIẢI TRÌNH

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
- Sở Giao Dịch chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam-CN TPHCM.

- Căn cứ theo quy định tại mục IV khoản 1 thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2016 của Công Ty Cổ Phần Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh.

Nay Công Ty Cổ Phần Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh xin báo cáo giải trình nguyên nhân chính dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2016 tăng 19,79% , tương ứng với số tiền tăng :11.426.728.445 đồng so với chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2015 cụ thể như sau:

-Chỉ tiêu doanh thu năm 2016 : 143.563.865.333 đồng (Đã loại trừ doanh thu bán hàng hóa: mặt hàng bia 2.221.138.980 đồng) so với chỉ tiêu doanh thu năm 2015: 124.217.354.925 đồng(Đã loại trừ doanh thu bán hàng hóa:mặt hàng bia: 58.029.653.893 đồng) thì doanh thu năm 2016 tăng 15,57% tương ứng với số tiền tăng : 19.346.510.408 đồng đã làm tăng chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2016.

Trên đây là báo cáo giải trình nguyên nhân chính dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2016 tăng so với chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2015.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu

Công Ty Cổ Phần Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh

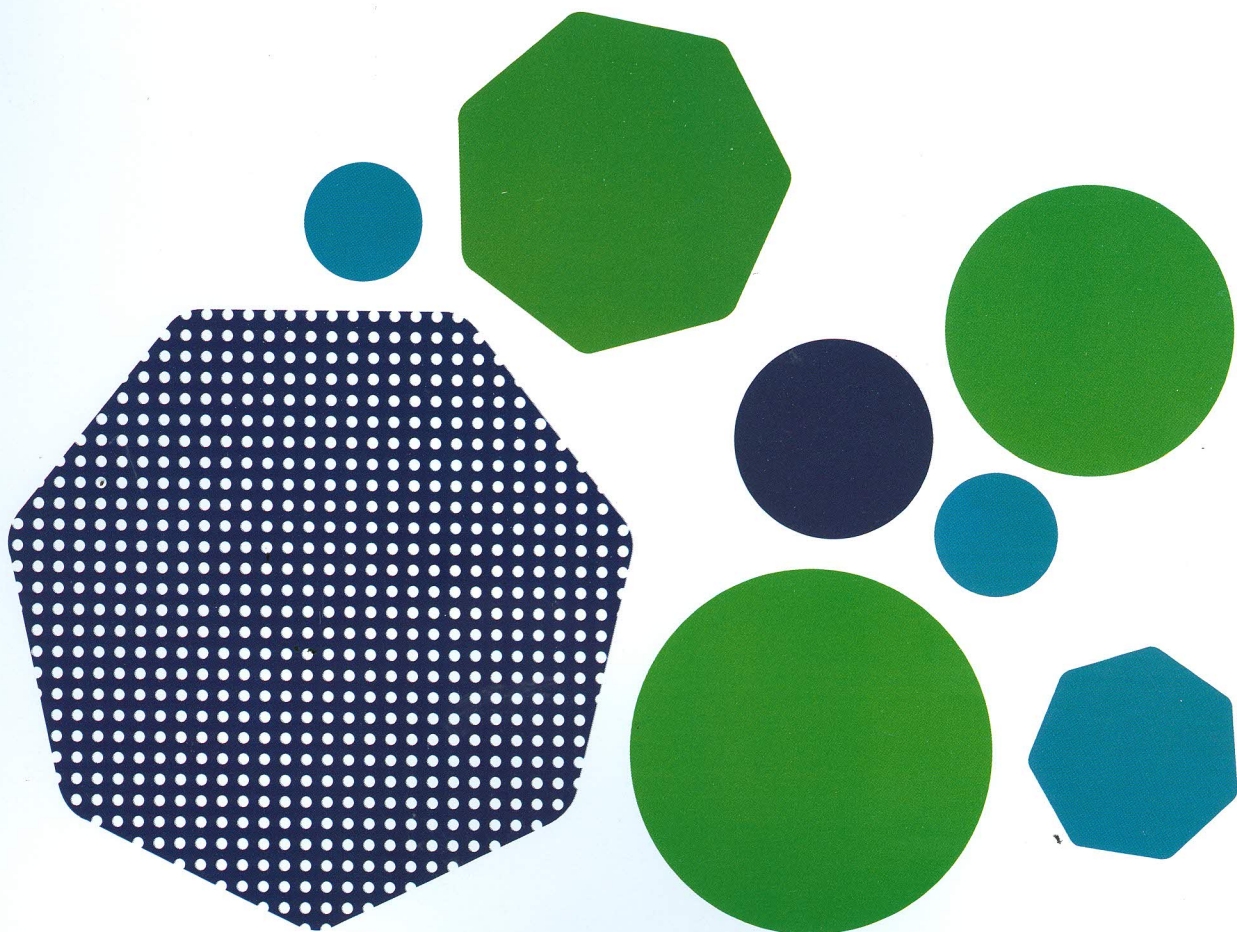
Giám Đốc



Trần Trung Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp treo Núi Bà Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 từ trang 06 đến trang 42 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hữu Phước	Chủ tịch
Ông Trần Trung Kiên	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Tấn Tài	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Vàng	Thành viên
Ông Trần Anh Minh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/05/2016)
Ông Lê Trung Dương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26/05/2016)

Ban Kiểm soát

Ông Đặng Văn Hoàng	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 26/05/2016)
Ông Võ Phước Hồng	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 26/05/2016)
Ông Lý Bình Hòa	Thành viên
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Trung Kiên	Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Cường	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Sinh	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2016 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Trần Thị Song Giang.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Trung Kiên
Giám đốc

Tây Ninh, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Số: 08 /2017/UHYACAHCM-BCKTDL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh, được lập ngày 22/02/2017, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp treo Núi Bà Tây Ninh tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1496-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA – CHI NHÁNH TẠI TP. HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2017



Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1828-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		143.158.785.525	105.734.662.553
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.278.885.154	6.644.760.935
Tiền	111		7.278.885.154	3.944.760.935
Các khoản tương đương tiền	112		-	2.700.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	122.208.000.000	85.700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		122.208.000.000	85.700.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.875.296.406	7.882.845.300
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	436.318.000	1.162.954.656
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.438.091.400	2.876.679.483
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.000.887.006	3.843.211.161
Hàng tồn kho	140	9	4.392.121.084	3.434.388.244
Hàng tồn kho	141		4.503.352.833	3.545.619.993
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(111.231.749)	(111.231.749)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.404.482.881	2.072.668.074
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	3.146.235.191	450.613.212
Thuế GTGT được khấu trừ	152		126.802.672	13.007
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	131.445.018	1.622.041.855
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		110.206.932.684	120.069.398.361
Tài sản cố định	220		100.392.822.649	117.153.377.288
Tài sản cố định hữu hình	221	10	100.392.822.649	117.153.377.288
- Nguyên giá	222		230.880.615.430	228.465.353.805
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(130.487.792.781)	(111.311.976.517)
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.484.921.500	411.192.544
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	6.484.921.500	411.192.544
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	706.285.751	1.843.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.843.000.000	1.843.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.136.714.249)	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.622.902.784	661.828.529
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.564.625.585	643.866.272
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		58.277.199	17.962.257
TỔNG TÀI SẢN	270		253.365.718.209	225.804.060.914

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		9.712.596.378	11.372.083.295
Nợ ngắn hạn	310		9.712.596.378	11.372.083.295
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	1.033.723.740	1.633.603.453
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.576.423.184
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	276.834.547	-
Phải trả người lao động	314		6.493.086.673	4.971.927.064
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	291.385.996	66.555.713
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16	19.651.271	15.090.909
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	101.423.010	2.230.583.095
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.496.491.141	877.899.877
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		243.653.121.831	214.431.977.619
Vốn chủ sở hữu	410	18	243.653.121.831	214.431.977.619
Vốn góp của chủ sở hữu	411		127.880.000.000	127.880.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		127.880.000.000	127.880.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		72.599.977.619	51.686.464.604
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.173.144.212	34.865.513.015
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		43.173.144.212	34.865.513.015
TỔNG NGUỒN VỐN	440		253.365.718.209	225.804.060.914

Tây Ninh, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lâm Thị Ngọc Châu

Trần Thị Song Giang

Trần Trung Kiên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	137.536.230.320	176.295.114.053
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		137.536.230.320	176.295.114.053
Giá vốn hàng bán	11	20	26.354.632.340	81.919.174.870
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		111.181.597.980	94.375.939.183
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	8.005.553.624	5.784.441.952
Chi phí tài chính	22	22	1.215.386.976	15.833.749
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	24	20.510.412.724	18.047.731.165
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	11.189.850.007	8.243.383.821
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		86.271.501.897	73.853.432.400
Thu nhập khác	31	23	243.220.369	167.452.813
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác	40		243.220.369	167.452.813
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		86.514.722.266	74.020.885.213
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	17.402.396.328	16.277.820.018
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	(40.314.942)	17.152.760
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		69.152.640.880	57.725.912.435
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	5.116	4.269
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	5.116	4.269

Tây Ninh, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lâm Thị Ngọc Châu

Trần Thị Song Giang

Trần Trung Kiên

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		86.514.722.266	74.020.885.213
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		19.175.816.264	19.069.331.675
Các khoản dự phòng	03		1.136.714.249	42.066.731
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(8.005.553.624)	(5.784.441.952)
Chi phí lãi vay	06		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		98.821.699.155	87.347.841.667
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.656.635.485	7.778.377.123
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(957.732.840)	345.095.871
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.278.078.181)	908.273.546
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.616.381.292)	(124.934.474)
Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.000.000.000)	(13.500.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.785.305.404)	(4.734.510.680)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		73.840.836.923	78.020.143.053
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.293.789.881)	(10.952.892.744)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(275.358.000.000)	(147.600.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		238.850.000.000	102.800.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.122.677.177	5.623.082.925
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(38.679.112.704)	(50.129.809.819)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(34.527.600.000)	(51.152.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(34.527.600.000)	(51.152.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		634.124.219	(23.261.666.766)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	6.644.760.935	29.906.427.701
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	7.278.885.154	6.644.760.935

Người lập biểu

Lâm Thị Ngọc Châu

Lâm Thị Ngọc Châu

Kế toán trưởng

Trần Thị Song Giang

Trần Thị Song Giang

Tây Ninh, ngày 22 tháng 02 năm 2017



Giám đốc

Trần Trung Kiên

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ Bộ phận cáp treo của Công ty Du lịch Tây Ninh (nay là Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh) theo Quyết định số 15/QĐ-CT ngày 10/01/2001 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4503000004 (số mới là 3900309621) ngày 11 tháng 01 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất là lần thứ 9 ngày 01 tháng 12 năm 2014 về việc tăng vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 73/UBCK-GPNY ngày 15 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2009, Công ty chuyển sang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận số 54/GCN-SGDHN ngày 05/10/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Kể từ ngày 14/01/2016, Công ty chuyển sang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 21/QĐ-SGDHCM ngày 14 tháng 01 năm 2016 của Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 của Công ty là 127.880.000.000 đồng được chia thành 12.788.000 cổ phần. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Vận tải hành khách đường bộ khác. Cụ thể: vận chuyển du khách bằng phương tiện cáp treo, máng trượt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Cụ thể: vận chuyển hàng hóa bằng phương tiện cáp treo;
- Quảng cáo;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Đại lý du lịch;
- Đại lý môi giới, đấu giá. Cụ thể: Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là vận chuyển du khách bằng phương tiện cáp treo, máng trượt. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty thường tập trung chủ yếu vào tháng 2, tháng 3 là những ngày Hội xuân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là vận chuyển du khách bằng phương tiện cáp treo, máng trượt, khách hàng là người dân trong khu vực và khách du lịch. Số lượng khách du lịch đến sử dụng dịch vụ của Công ty sẽ ảnh hưởng đáng kể đến doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty không có công ty con, các chi nhánh và đơn vị phụ thuộc.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch hàng năm.

2.1 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) và Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

4.1 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (dưới 12 tháng hay từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư góp vốn với mục đích nắm giữ lâu dài. Giá phí các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ vào Báo cáo tài chính của bên được đầu tư để xác định giá trị bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200, Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.3 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phụ tùng tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Trả trước tiền thuê đất

Trả trước tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước cho phần đất Công ty đang sử dụng để dựng pano quảng cáo. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác thể hiện chi phí đánh giá tái chứng nhận hệ thống ISO và chi phí sửa chữa bao gồm các chi phí sửa chữa nhà ga, chi phí thay cáp,... các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.6 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.7 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.8 NGOẠI TỆ

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Tây Ninh.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại tiền và các khoản phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Tây Ninh thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Tây Ninh tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Tây Ninh tại thời điểm đầu mỗi tháng. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 NGOẠI TỆ (TIẾP)

Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

4.9 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.10 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: Hoạt động vận chuyển, hoạt động quảng cáo và hoạt động khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Hoạt động chủ yếu của các bộ phận như sau:

- Bộ phận vận chuyển: Vận chuyển du khách và hàng hoá bằng phương tiện cáp treo, máng trượt, xe lửa.
- Bộ phận quảng cáo: Cho thuê quảng cáo trên vé và trên cabin cáp treo.
- Bộ phận kinh doanh bia: Đại lý phân phối bia.
- Bộ phận khác: Cho thuê mặt bằng, hoạt động khác.

4.11 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh, Công ty con và Công ty liên kết do Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	204.132.000	202.757.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.074.753.154	3.742.003.935
Các khoản tương đương tiền	-	2.700.000.000
Cộng	7.278.885.154	6.644.760.935

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122.208.000.000	122.208.000.000	85.700.000.000	85.700.000.000
a1) Ngắn hạn	122.208.000.000	122.208.000.000	85.700.000.000	85.700.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	121.558.000.000	121.558.000.000	85.700.000.000	85.700.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng Tây Ninh	25.400.000.000	25.400.000.000	24.500.000.000	24.500.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Tây Ninh	9.400.000.000	9.400.000.000	7.800.000.000	7.800.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Hòa Thành Tây Ninh	21.200.000.000	21.200.000.000	9.300.000.000	9.300.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát Triển Tây Ninh	3.500.000.000	3.500.000.000	8.100.000.000	8.100.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Tây Ninh	5.900.000.000	5.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Tây Ninh	6.500.000.000	6.500.000.000	9.800.000.000	9.800.000.000
+ Ngân hàng TMCP Phát Triển Tây Ninh	1.600.000.000	1.600.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
+ Ngân hàng TMCP Phát Triển TPHCM -CN Tây Ninh	15.000.000.000	15.000.000.000	6.200.000.000	6.200.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội Tây Ninh	5.000.000.000	5.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Bản Việt Tây Ninh	12.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000
+ Ngân hàng NN&PTNT - CN KV Tân Hưng - Tây Ninh	15.458.000.000	15.458.000.000	-	-
+ Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh	650.000.000	650.000.000	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
a2) Dài hạn	-	-	-	-

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng với lãi suất từ 5% - 6,0%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	Tại 31/12/2016			Tại 01/01/2016		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.843.000.000	706.285.751	(1.136.714.249)	1.843.000.000	1.843.000.000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	1.843.000.000	706.285.751	(1.136.714.249)	1.843.000.000	1.843.000.000	-
+ Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh (**)	1.843.000.000	706.285.751	(1.136.714.249)	1.843.000.000	1.843.000.000	-

(**) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh với 184.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,51% vốn điều lệ của Công ty này.

Theo Giấy xác nhận của Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh, Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh đã đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ ngày 13/08/2016 đến ngày 12/08/2017. Do đó, giá trị trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh được căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/08/2016.

Ngoài ra, trong năm 2016, Công ty đã ủy quyền cho Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Du Lịch -Thương Mại Tây Ninh bán toàn bộ số cổ phần đang sở hữu tại Công ty CP KS Hòa Bình Tây Ninh. Căn cứ vào Thông báo 02/2016/BTCĐG về việc thông báo kết quả đấu giá cổ phần Khách Sạn Hòa Bình, Công ty Cổ phần Du Lịch -Thương Mại Tây Ninh sẽ chuyển giao các cổ phần bán được cho các cá nhân, tổ chức từ ngày 16/12/2016 đến 29/12/2016. Đến thời điểm lập báo cáo này, các thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất do các tổ chức, cá nhân đấu giá thành công đã xin gia hạn nộp tiền đến ngày 31/03/2017 và được UBND Tỉnh Tây Ninh chấp thuận theo Quyết định số 3739/UBND – KTTC ngày 29/12/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	436.318.000	1.162.954.656
- Công ty CP Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh	436.318.000	1.106.509.656
- Công ty Cổ Phần lữ hành Tây Ninh	-	34.445.000
- Trần Hữu Nghĩa	-	22.000.000
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	436.318.000	1.140.954.656
- Công ty CP Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh	436.318.000	1.106.509.656
- Công ty Cổ Phần lữ hành Tây Ninh	-	34.445.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	3.000.887.006	-	3.843.211.161	-
- Lãi dự thu ngân hàng	2.428.578.808	-	1.526.852.361	-
+ Ngân hàng Công Thương Tây Ninh	189.965.556	-	137.152.778	-
+ Ngân Hàng Bản Việt Tây Ninh	290.066.667	-	180.661.111	-
+ Ngân hàng Công thương Hòa Thành Tây Ninh	395.609.444	-	145.211.111	-
+ Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Tây Ninh	72.722.222	-	80.434.028	-
+ Ngân hàng Ngoại Thương VN - CN Tây Ninh	98.914.167	-	204.444.444	-
+ Ngân Hàng Đại Chúng Tây Tây Ninh	529.846.667	-	523.478.056	-
+ Ngân hàng Phát Triển Tây Ninh	30.826.667	-	16.575.000	-
+ Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Tây Ninh	136.844.444	-	113.422.222	-
+ Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín Tây Ninh	108.220.833	-	28.737.500	-
+ Ngân hàng NN&PTNT - CN KV Tân Hưng - Tây Ninh	244.188.808	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Phát Triển TPHCM- CN Tây Ninh	312.523.333	-	96.736.111	-
+ Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh	18.850.000	-	-	-
- Tiền thuế TNCN	169.738.231	-	68.824.756	-
- Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	-	-	766.700.333	-
- Công ty TNHH Bia và NGK Việt Nam	-	-	15.120.000	-
- Phải thu người lao động	362.369.967	-	131.169.789	-
- Phải thu Ông Võ Phước Hồng	40.200.000	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	1.334.543.922	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	3.000.887.006	-	3.843.211.161	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.503.352.833	(111.231.749)	3.545.619.993	(111.231.749)
Cộng	4.503.352.833	(111.231.749)	3.545.619.993	(111.231.749)

10. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ HH khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2016	61.425.003.752	156.831.332.470	3.346.861.703	5.127.428.311	1.734.727.569	228.465.353.805
- Mua trong năm	-	473.973.781	961.923.636	618.232.000	-	2.054.129.417
- Đầu tư XD CB hoàn thành	243.419.091	-	-	-	-	243.419.091
- Tăng do quyết toán	84.487.117	33.226.000	-	-	-	117.713.117
Tại 31/12/2016	61.752.909.960	157.338.532.251	4.308.785.339	5.745.660.311	1.734.727.569	230.880.615.430
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2016	26.488.031.282	80.610.510.814	1.376.998.576	2.222.322.138	614.113.707	111.311.976.517
- Khấu hao trong năm	5.298.923.282	12.482.081.319	545.892.109	581.513.858	267.405.696	19.175.816.264
Tại 31/12/2016	31.786.954.564	93.092.592.133	1.922.890.685	2.803.835.996	881.519.403	130.487.792.781
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2016	34.936.972.470	76.220.821.656	1.969.863.127	2.905.106.173	1.120.613.862	117.153.377.288
Tại 31/12/2016	29.965.955.396	64.245.940.118	2.385.894.654	2.941.824.315	853.208.166	100.392.822.649

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 58.574.456.396 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	6.484.921.500	6.484.921.500	411.192.544	411.192.544
+ Chi Phí Công Trình Khu VP Công Ty	5.213.431.147	5.213.431.147	-	-
+ Chi phí nâng cấp máng trượt	710.458.719	710.458.719	-	-
+ Chi Phí Công Trình Cung Cấp Nước Sinh Hoạt	128.693.636	128.693.636	-	-
+ Chi phí lập báo cáo KTKT công trình công-hàng rào	-	-	9.090.909	9.090.909
+ Chi phí tư vấn thẩm tra công trình công- hàng rào	-	-	3.636.364	3.636.364
+ Chi phí thẩm định giá bảng pano	-	-	2.750.000	2.750.000
+ Chi phí BQLDA công trình văn phòng Công ty	9.185.455	9.185.455	9.185.455	9.185.455
+ Chi phí khảo sát địa chất văn phòng công ty	117.192.727	117.192.727	105.473.636	105.473.636
+ Chi phí BQLDA cáp treo lên đỉnh	137.095.271	137.095.271	112.191.635	112.191.635
+ Chi phí tư vấn khảo sát cáp treo lên đỉnh	168.864.545	168.864.545	168.864.545	168.864.545
Cộng	6.484.921.500	6.484.921.500	411.192.544	411.192.544

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	3.146.235.191	450.613.212
- Chi phí in vé dịch vụ sử dụng	422.849.844	277.489.110
- Chi phí vật tư trang trí, sửa chữa	642.952.604	128.624.102
- Chi phí in lịch	49.000.000	44.500.000
- Chi phí bảo hiểm nhân thọ	1.950.932.742	-
- Chi phí khác	80.500.001	-
Dài hạn	2.564.625.585	643.866.272
- Tiền thuê đất đặt quảng cáo	36.683.324	41.374.991
- Chi phí xây bờ kè chống sạt lở 1 trụ tuyến máng trượt	-	7.424.243
- Giá trị công cụ năm 2014	-	168.656.197
- Giá trị công cụ năm 2015	28.444.007	128.203.928
- Giá trị công cụ năm 2016	607.576.380	-
- Chi phí sửa chữa công chào cáp treo	126.479.317	-
- Chi phí quảng cáo trên sân vận động Tây Ninh	25.568.182	-
- Chi phí sửa chữa vỉa hè, bậc cấp, mái che ga trên cáp	13.438.540	53.754.184
- Chi phí chẻ đá và khắc chữ ga hạ giáp	90.000.000	-
- Chi phí gia công lắp đặt hệ thống chống sét	178.958.177	238.610.909
- Chi phí thay cáp tuyến cáp treo	1.453.235.995	5.841.820
- Chi phí khác	4.241.663	-
Cộng	5.710.860.776	1.094.479.484

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ		trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.033.723.740	1.033.723.740	1.633.603.453	1.633.603.453
- Công ty CP Công nghệ Môi trường & Xây Dựng Saigon	217.080.240	217.080.240	708.148.800	708.148.800
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng TM & DV Tân Trường Thịnh	-	-	260.250.000	260.250.000
- Công ty TNHH Kim Sơn	-	-	383.000.000	383.000.000
- Công ty CP Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh	444.325.000	444.325.000	82.000.000	82.000.000
- Công ty CP In Hoàng Lê Kha Tây Ninh	125.037.000	125.037.000	-	-
- Công ty TNHH Công Nghệ Thông Minh Toàn Cầu	199.531.500	199.531.500	-	-
- Phải trả nhà cung cấp khác	47.750.000	47.750.000	200.204.653	200.204.653
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	444.325.000	444.325.000	82.000.000	82.000.000
- Công ty CP Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh	444.325.000	444.325.000	82.000.000	82.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	11.687.322.227	11.687.322.227	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	103.121.406	103.121.406	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	137.396.525	88.415.425	48.981.100
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	516.332.102	516.332.102	-
- Các loại thuế khác	-	382.458.280	154.604.833	227.853.447
Cộng	-	12.826.630.540	12.549.795.993	276.834.547
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.530.841.346	17.402.396.328	16.000.000.000	128.445.018
- Thuế thu nhập cá nhân	41.233.904	41.233.904	-	-
- Thuế nhà thầu	11.742.105	47.026.375	35.284.270	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải thu khác	38.224.500	38.224.500	3.000.000	3.000.000
Cộng	1.622.041.855	17.528.881.107	16.038.284.270	131.445.018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	291.385.996	66.555.713
- Trích trước quỹ phòng chống thiên tai	-	39.055.713
- Trích trước phí dịch vụ môi trường rừng	279.400.996	-
- Chi phí phải trả khác	11.985.000	27.500.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	291.385.996	66.555.713

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	19.651.271	15.090.909
- Công Ty Cổ Phần Du lịch - Thương Mại Tây Ninh (doanh thu quảng cáo, cho thuê kiốt)	19.651.271	3.474.471
- Trần Hữu Nghĩa (doanh thu cho thuê vườn cây)	-	11.616.438
b) Dài hạn	-	-
c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng	-	-
Cộng	19.651.271	15.090.909

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	101.423.010	2.230.583.095
- Bảo hiểm xã hội	-	22.446.390
- Tiền bảo hành, bảo lãnh	91.423.010	91.772.450
- Công ty TNHH Bia và Nước giải khát VN	-	766.700.333
- Công ty CP Du lịch - Thương Mại Tây Ninh (tiền cược vỏ chai bia)	-	15.120.000
- Công ty CP Du lịch - Thương Mại Tây Ninh (tiền thế chấp vỏ chai bia)	-	1.334.543.922
- Ký quỹ dự thầu	10.000.000	-
b) Dài hạn	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	101.423.010	2.230.583.095

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2015	127.880.000.000	32.580.364.800	52.076.099.804	212.536.464.604
- Lãi trong năm	-	-	57.725.912.435	57.725.912.435
- Chia cổ tức 2014	-	-	(31.970.000.000)	(31.970.000.000)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển 2014	-	19.106.099.804	(19.106.099.804)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015	-	-	(3.138.399.420)	(3.138.399.420)
- Thưởng HĐQT, Ban Kiểm soát từ lợi nhuận 2014	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
- Tạm chia cổ tức năm 2015	-	-	(19.182.000.000)	(19.182.000.000)
- Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2015	-	-	(540.000.000)	(540.000.000)
Tại 31/12/2015	127.880.000.000	51.686.464.604	34.865.513.015	214.431.977.619
Tại 01/01/2016	127.880.000.000	51.686.464.604	34.865.513.015	214.431.977.619
- Lãi trong năm	-	-	69.152.640.880	69.152.640.880
- Chia cổ tức năm 2015 (1)	-	-	(12.788.000.000)	(12.788.000.000)
- Tạm chia cổ tức năm 2016	-	-	(21.739.600.000)	(21.739.600.000)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển 2015 (1)	-	20.913.513.015	(20.913.513.015)	-
- Thưởng HĐQT, Ban Kiểm soát từ lợi nhuận 2015 (1)	-	-	(1.164.000.000)	(1.164.000.000)
- Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016	-	-	(3.734.896.668)	(3.734.896.668)
- Thù lạo HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2016	-	-	(505.000.000)	(505.000.000)
Tại 31/12/2016	127.880.000.000	72.599.977.619	43.173.144.212	243.653.121.831

(1) Công ty trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 26/05/2016 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Công ty Cổ Phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh	51%	65.220.800.000	51%	65.220.800.000
Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Tây Ninh	9%	12.000.000.000	9%	12.000.000.000
Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam	7%	8.459.600.000	7%	8.459.600.000
Cổ đông khác	33%	42.199.600.000	33%	42.199.600.000
Cộng	100%	127.880.000.000	100%	127.880.000.000

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	127.880.000.000	127.880.000.000
+ Vốn góp đầu năm	127.880.000.000	127.880.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	127.880.000.000	127.880.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	34.527.600.000	51.152.000.000

18.4 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2016 Cổ phiếu	Tại 01/01/2016 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.788.000	12.788.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.788.000	12.788.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.788.000	12.788.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.788.000	12.788.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.788.000	12.788.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

18.5 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	72.599.977.619	51.686.464.604

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Doanh thu	137.536.230.320	176.295.114.053
Doanh thu vận chuyển	134.534.449.960	117.672.246.369
Doanh thu quảng cáo	257.934.523	361.395.609
Doanh thu bán hàng hóa (Bia)	2.221.138.980	58.029.653.893
Doanh thu khác	522.706.857	231.818.182
b) Doanh thu với các bên liên quan	5.873.055.343	61.488.237.948
+ Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	4.078.359.888	60.478.847.039
+ Công ty CP Lữ hành Tây Ninh	1.794.695.455	1.009.390.909

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn hoạt động vận chuyển	23.639.360.123	23.828.668.346
Giá vốn hoạt động quảng cáo	35.069.040	73.182.729
Giá vốn bán hàng hóa (Bia)	2.218.747.320	57.970.380.537
Giá vốn hoạt động khác	461.455.857	46.943.258
Cộng	26.354.632.340	81.919.174.870

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.005.553.624	5.784.441.952
Cộng	8.005.553.624	5.784.441.952

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá thuê chuyên gia	-	15.833.749
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	1.136.714.249	-
Chi phí tài chính khác	78.672.727	-
Cộng	1.215.386.976	15.833.749

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thanh lý công cụ dụng cụ	363.636	1.818.182
Tiền điện các hộ kinh doanh	150.345.456	104.058.547
Tiền nước các hộ kinh doanh	67.981.820	31.643.183
Cho thuê vườn cây	24.525.529	29.929.016
Thu nhập khác	3.928	3.885
Cộng	243.220.369	167.452.813

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	11.189.850.007	8.243.383.821
- Chi phí lương cán bộ, nhân viên	5.674.704.335	4.835.359.188
- Phụ cấp tiền công ngoài giờ	463.916.346	471.875.306
- Chi phí tham quan, nghỉ mát	864.735.000	-
- Chi phí bảo hiểm nhân thọ	736.047.258	-
- Chi phí quản lý khác	3.450.447.068	2.936.149.327
b. Các khoản chi phí bán hàng	20.510.412.724	18.047.731.165
- Chi phí lương cán bộ nhân viên	10.249.022.338	8.690.238.492
- Phụ cấp tiền công ngoài giờ	1.139.460.000	1.126.971.885
- Chi phí chăm sóc cây kiểng	1.153.892.726	1.400.454.545
- Chi phí dịch vụ môi trường rừng	1.351.810.390	-
- Chi phí dịch vụ xe ô tô	178.680.365	1.216.881.331
- Chi phí bán hàng khác	6.437.546.905	5.613.184.912
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	4.240.718.234	2.441.387.640
Chi phí nhân công	21.512.490.851	18.817.162.758
Khấu hao tài sản cố định	19.175.816.264	19.069.331.675
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.173.977.720	4.025.449.035
Chi phí bằng tiền khác	7.951.892.002	5.477.487.302
Cộng	58.054.895.071	49.830.818.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	86.514.722.266	74.020.885.213
Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế	578.905.996	128.819.495
- Chi phí không được trừ	287.520.000	47.172.873
- Chi phí phải trả	291.385.996	66.555.713
- Doanh thu chưa thực hiện	-	15.090.909
Điều chỉnh giảm các khoản thu nhập chịu thuế	(81.646.622)	(159.613.717)
- Chi phí phải trả năm trước	(66.555.713)	(53.980.000)
- Doanh thu chưa thực hiện năm trước	(15.090.909)	(105.633.717)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	87.011.981.640	73.990.090.991
Thuế suất	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.402.396.328	16.277.820.018
Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.402.396.328	16.277.820.018

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(58.277.199)	(17.962.257)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại	17.962.257	35.115.017
Cộng	(40.314.942)	17.152.760

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	69.152.640.880	57.725.912.435
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(3.734.896.668)	(3.138.399.420)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	12.788.000	12.788.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	5.116	4.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	69.152.640.880	57.725.912.435
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(3.734.896.668)	(3.138.399.420)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	12.788.000	12.788.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	5.116	4.269

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.9.

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.278.885.154	6.644.760.935
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122.208.000.000	85.700.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.074.835.039	4.874.996.028
Đầu tư khác	706.285.751	1.843.000.000
Cộng	133.268.005.944	99.062.756.963
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.135.146.750	3.841.740.158
Chi phí phải trả	291.385.996	66.555.713
Cộng	1.426.532.746	3.908.295.871

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua, bán các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua, bán các công cụ tài chính.

Rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro tỷ giá do thiếu thị trường mua, bán các công cụ tài chính này.

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi. Tuy nhiên, Công ty không chịu rủi ro lãi suất do trong kỳ Công ty không có các khoản vay.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục bán các cổ phiếu đã đầu tư vào Công ty CP KS Hòa Bình Tây Ninh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.135.146.750	-	1.135.146.750
Chi phí phải trả	291.385.996	-	291.385.996
Cộng	1.426.532.746	-	1.426.532.746
Tại 01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	3.841.740.158	-	3.841.740.158
Chi phí phải trả	66.555.713	-	66.555.713
Cộng	3.908.295.871	-	3.908.295.871

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.278.885.154	-	7.278.885.154
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122.208.000.000	-	122.208.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.074.835.039	-	3.074.835.039
Đầu tư khác	706.285.751	-	706.285.751
Cộng	133.268.005.944	-	133.268.005.944
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.644.760.935	-	6.644.760.935
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	85.700.000.000	-	85.700.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.874.996.028	-	4.874.996.028
Đầu tư khác	-	1.843.000.000	1.843.000.000
Cộng	97.219.756.963	1.843.000.000	99.062.756.963

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Năm 2016	Kinh doanh vận chuyển	Kinh doanh quảng cáo	Kinh doanh bia	Dịch vụ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	134.534.449.960	257.934.523	2.221.138.980	522.706.857	137.536.230.320
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	134.534.449.960	257.934.523	2.221.138.980	522.706.857	137.536.230.320
Chi phí bộ phận	(23.639.360.123)	(35.069.040)	(2.218.747.320)	(461.455.857)	(26.354.632.340)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	110.895.089.837	222.865.483	2.391.660	61.251.000	111.181.597.980
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	111.181.597.980
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	8.005.553.624
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(1.215.386.976)
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	(20.510.412.724)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	(11.189.850.007)
Thu nhập khác	-	-	-	-	243.220.369
Chi phí khác	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(17.402.396.328)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	40.314.942
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	69.152.640.880
Tổng tài sản	-	-	-	-	253.365.718.209
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	9.712.596.378

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty (tiếp):

Năm 2015	Kinh doanh vận chuyển	Kinh doanh quảng cáo	Kinh doanh bia	Dịch vụ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	117.672.246.369	361.395.609	58.029.653.893	231.818.182	176.295.114.053
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	117.672.246.369	361.395.609	58.029.653.893	231.818.182	176.295.114.053
Chi phí bộ phận	(23.828.668.346)	(73.182.729)	(57.970.380.537)	(46.943.258)	(81.919.174.870)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	93.843.578.023	288.212.880	59.273.356	184.874.924	94.375.939.183
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	94.375.939.183
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	5.784.441.952
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(15.833.749)
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	(18.047.731.165)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	(8.243.383.821)
Thu nhập khác	-	-	-	-	167.452.813
Chi phí khác	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(16.277.820.018)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	(17.152.760)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	57.725.912.435
Tổng tài sản	-	-	-	-	225.804.060.914
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	11.372.083.295

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

32.1 NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

32.2 KHOẢN CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê đất số 05/05HĐ-TĐ.ĐC ngày 26 tháng 5 năm 2008 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 2 khu đất, thời hạn 50 năm bắt đầu từ ngày 15 tháng 6 năm 2007, cụ thể:

+ Diện tích đất 19.093,8 m² tại ấp Phước Long 2, xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, đơn giá thuê đất từ mét thứ 1 đến mét thứ 100 là 2.786,875 VND/m²/năm; sau mét thứ 100, đơn giá thuê là 1.393,4375 VND/m²/năm;

+ Diện tích đất 266.041,1 m² tại ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, đơn giá thuê đất từ mét thứ 1 đến mét thứ 100 là 1.564,0625 VND/m²/năm; sau mét thứ 100, đơn giá là 782,03125 VND/m²/năm.

- Hợp đồng thuê đất số 01/05/HĐ-TĐ ngày 8 tháng 5 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 13.242,4 m² đất tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh với thời hạn thuê 50 năm từ ngày 31 tháng 3 năm 2009, đơn giá thuê là 5.424 VND/m²/năm.

32.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

32.4 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan

- Cty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh
- Cty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh
- Cty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh

Mối quan hệ

- Công ty mẹ
- Công ty có cùng Công ty mẹ
- Công ty liên kết của Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Cty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh		
- Mua hàng	118.099.999	419.095.454
- Cổ tức đã trả	17.609.616.000	26.088.320.000
- Bán hàng	4.078.359.888	60.478.847.039
Cty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh		
- Mua hàng	38.181.818	129.072.727
Cty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh		
- Mua hàng	888.698.636	940.608.546
- Bán hàng	1.794.695.455	1.009.390.909
<u>Số dư với các bên liên quan</u>	<u>Tại 31/12/2016 VND</u>	<u>Tại 01/01/2016 VND</u>

Cty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh

- Phải thu khách hàng
 436.318.000 | 1.106.509.656 |
- Người mua trả tiền trước
 - | (1.576.423.184) |
- Phải thu khác
 - | 766.700.333 |
- Phải trả người bán
 (444.325.000) | (82.000.000) |
- Phải trả khác
 - | (1.349.663.922) |

Công ty CP Lữ hành Tây Ninh

- Phải thu khách hàng
 - | 34.445.000 |
- Trả trước người bán
 - | - |

Thu nhập Ban điều hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban kiểm soát	610.000.000	540.000.000
Trích thưởng	1.164.000.000	1.000.000.000
Tổng thu nhập Ban Giám đốc	1.419.301.833	1.302.884.256
Cộng	3.193.301.833	2.842.884.256

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

32.5 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

32.6 QŨY LƯƠNG THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Kế hoạch VND	Thực hiện VND
Tổng doanh thu	131.500.000.000	137.536.230.320
Lợi nhuận trước thuế	76.000.000.000	86.514.722.266
Quỹ lương	13.327.684.872	15.044.586.673
Lương tháng 13	-	984.140.000
Lương ngoài giờ và các khoản phụ cấp	-	2.129.524.759
Cộng quỹ lương	13.327.684.872	18.158.251.432

32.7 MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	56,50	46,83
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	43,50	53,17
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	3,83	5,04
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	96,17	94,96
2. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	14,74	9,30
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	14,29	9,00
- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,75	0,58
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2015
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu	%	62,90	41,99
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu	%	50,28	32,74
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản bình quân	%	36,11	33,19
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân	%	28,86	25,88
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH bình quân			
	%	30,19	27,04

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

32.8 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán.

Tây Ninh, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu



Lâm Thị Ngọc Châu

Kế toán trưởng



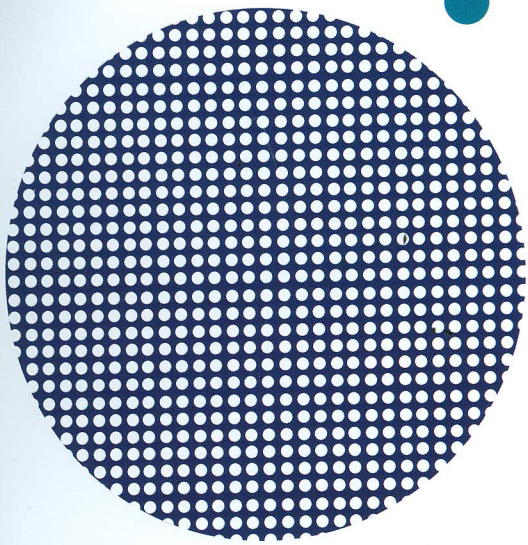
Trần Thị Song Giang

Giám đốc



Trần Trung Kiên





UHY ACA Ltd

© UHY ACA Auditing & Consulting Co., Ltd

www.uhyaca.vn